

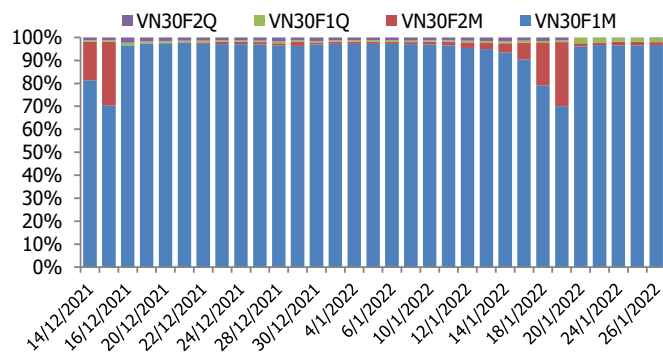
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2202	17/2/2022	22	1519.00	27,812
VN30F2203	17/3/2022	50	1516.10	355
VN30F2206	16/6/2022	141	1506.40	489
VN30F2209	15/9/2022	232	1511.70	90

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Bất chấp đà tăng từ chỉ số Vn30, các HĐTL vẫn đóng cửa với mức chiết khấu từ 6 điểm đến 13 điểm, cho thấy nhà đầu tư vẫn nghi ngờ xu hướng tăng của thị trường dù Vn30 đã lấy lại ngưỡng MA50 sau khi retest thành công ngưỡng MA100. Thanh khoản thị trường phiên này giảm 21,7% so với phiên hôm qua dù khối ngoại Long rỗng gần 2.700 hợp đồng.
- HĐTL tháng gần nhất phiên này tăng trọn phiên khi nhóm cổ phiếu ngân hàng là động lực chính dẫn dắt đà tăng với độ rộng ghi nhận 19 cổ phiếu tăng và 11 cổ phiếu giảm. Đà tăng không những diễn ra trên diện rộng mà thanh khoản ở chỉ số VN30 cũng tăng mạnh cho thấy xu hướng tăng sẽ còn tiếp diễn.
- Hiện HĐTL tháng gần nhất đã chạm ngưỡng MA50 và nhiều khả năng sẽ mở rộng đà tăng hướng đến mục tiêu 1.554,38 điểm. Vì vậy khi vượt vùng mục tiêu này thì triển vọng để lập các mức cao mới qua đó có thể đưa các vị thế nắm giữ trạng thái Long dài hạn.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

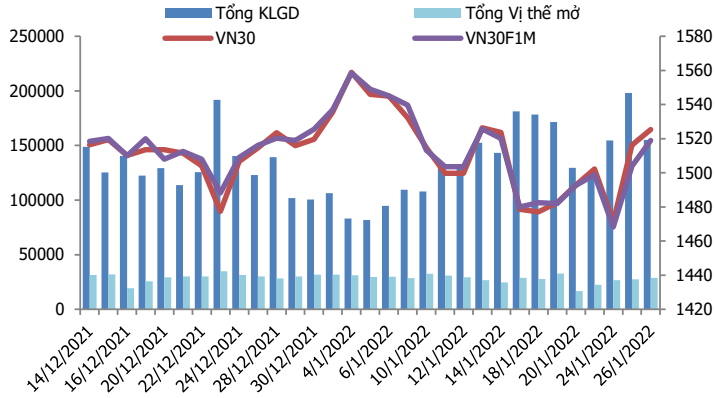
Tạm thời dừng vị thế short khi triển vọng tăng ở chỉ số Vn30 và HĐTL là rất cao, bên cạnh đó thị trường có thể tiếp tục được hỗ trợ từ thị trường quốc tế đang dần hồi phục.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Mặc dù thị trường đã có 2 phiên tăng nhưng biến động của thị trường vẫn rất cao, nhà đầu tư hạn chế mở vị thế qua đêm, ưu tiên trading trong phiên.

Chiến lược giao dịch spread

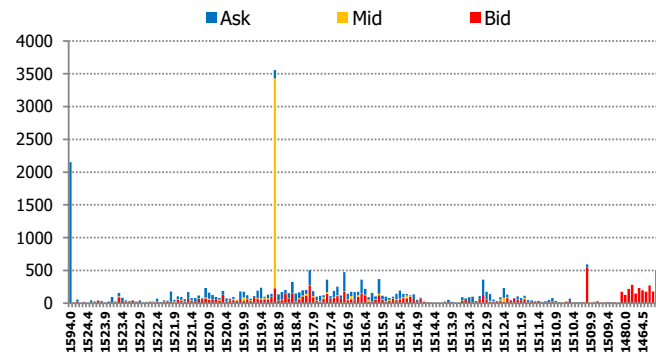
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2202	1519.0	1.00	154,409	-21.9	27,812	4.7
VN30F2203	1516.1	1.07	515	37.7	355	-11.7
VN30F2206	1506.4	0.63	115	38.6	489	2.3
VN30F2209	1511.7	0.91	75	17.2	90	63.6
Tổng			155,114	-21.7	28,746	4.6

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Bất chấp đà tăng từ chỉ số Vn30, các HĐTL vẫn đóng cửa với mức chiết khấu từ 6 điểm đến 13 điểm, cho thấy nhà đầu tư vẫn nghi ngờ xu hướng tăng của thị trường dù Vn30 đã lấy lại ngưỡng MA50 sau khi retest thành công ngưỡng MA100.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 21,72% so với phiên liền trước, đạt 155.114 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 02 với 154.409 hợp đồng. Khối ngoại quay trở lại mua ròng HĐTL tháng 02 với 2.692 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 7.335 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2202 là 1.526,5 điểm (cao hơn 7,5 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2203 là 1.528,01 điểm (+11,91 điểm), VN30F2206 là 1.532,94 điểm (+26,54 điểm) và VN30F2209 là 1.537,88 điểm (+26,18 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

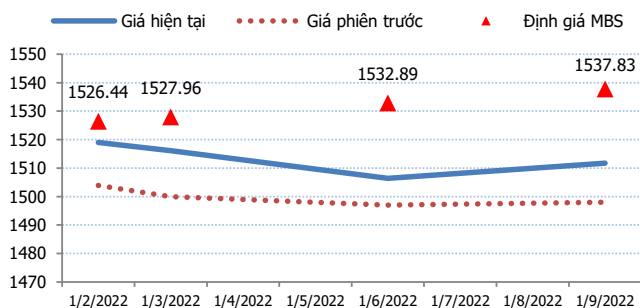
Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	BUY	BUY	BUY
Hỗ trợ	1505-1508	1480-1484	1466-1471
Kháng cự	1540-1543	1555-1559	1570-1587

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

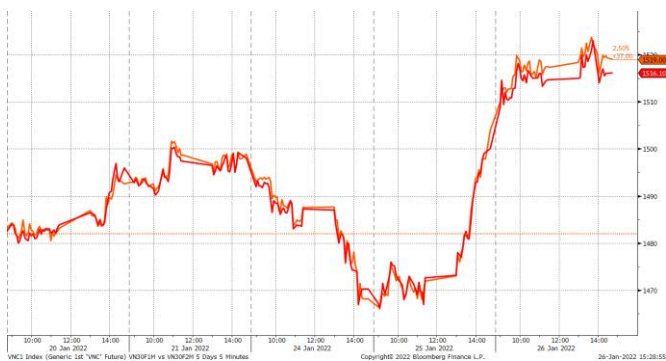


Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-2.9	-3.90	1	-0.42
VN30F1Q - VN30F1M	-12.6	-6.90	-5.7	-6.54
VN30F1Q - VN30F2M	-9.7	-3.00	-6.7	-6.12
VN30F2Q - VN30F1M	-7.3	-5.90	-1.4	-3.08
VN30F2Q - VN30F2M	-4.4	-2.00	-2.4	-2.66
VN30F2Q - VN30F1Q	5.3	1.00	4.3	3.46

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



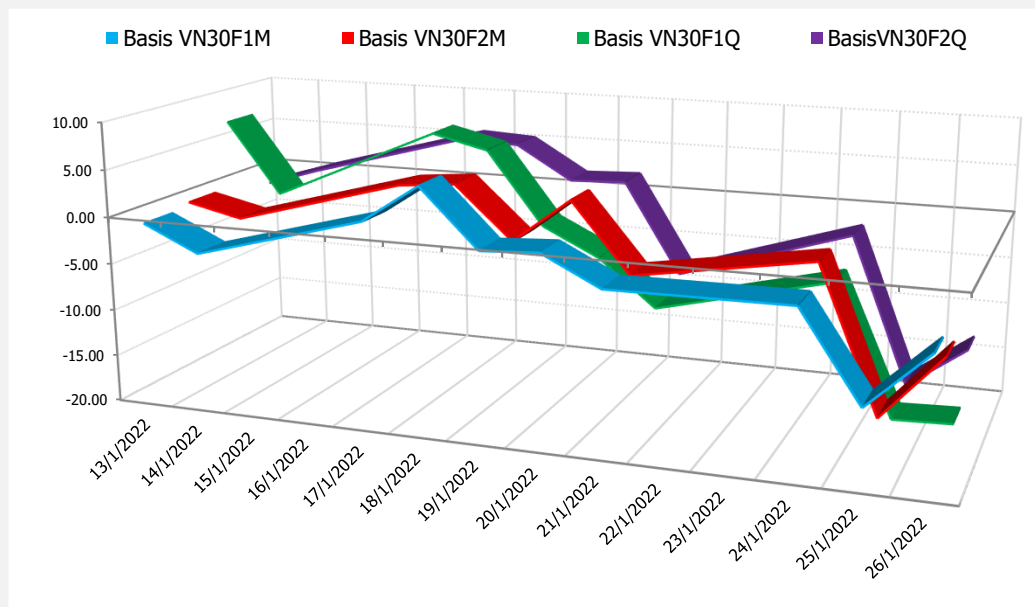
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

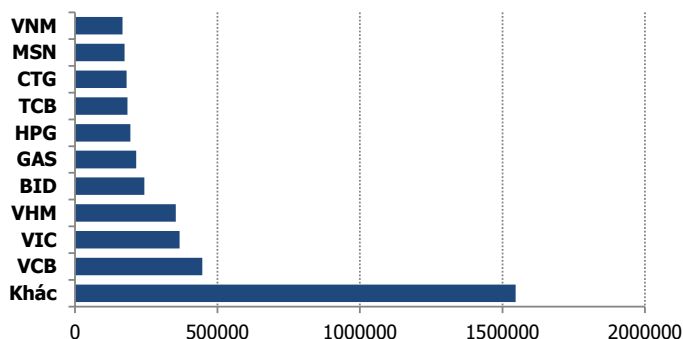
- Bất chấp đà tăng từ chỉ số Vn30, các HĐTL vẫn đóng cửa với mức chiết khấu từ 6 điểm đến 13 điểm, cho thấy nhà đầu tư vẫn nghi ngờ xu hướng tăng của thị trường dù Vn30 đã lấy lại ngưỡng MA50 sau khi retest thành công ngưỡng MA100. Thanh khoản thị trường phiên này giảm 21,7% so với phiên hôm qua dù khối ngoại Long ròng gần 2.700 hợp đồng.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -12,6 điểm đến 5,3 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2203-VN30F2202) tăng thêm 1 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

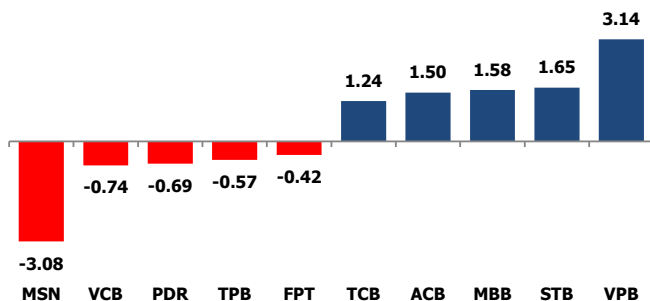


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1481.58	1525.31
Thay đổi	2.00	9.15
%Chg	0.14	0.60
YTD	-1.11	-0.68
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,796.51	4,070.94
P/E	16.99	14.48
P/B	2.69	2.88

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính tiếp tục nở rộng đà tăng điểm. Số mã tăng điểm (19) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (11) và 0 mã đứng tham chiếu. VPB và STB trở thành hai trụ đóng góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +3,14 điểm và +1,65 điểm; ngoài ra MBB, ACB hay TCB là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 9,15 điểm (+0,6%) lên 1.525,31 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 252,32 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 10.975 tỷ đồng.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng với 366,74 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như CTG (+211 tỷ đồng), KBC (+135 tỷ đồng), LPB (+119 tỷ đồng), VHM (+96 tỷ đồng), DXG (+67 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIndex	1,481.58	0.14	16.99	(1.11)
Dow Jones	34,168.09	(0.38)	18.88	(5.97)
S&P500	4,349.93	(0.15)	23.68	(8.73)
Nikkei 225	27,041.69	0.11	15.31	(6.08)
Shanghai	3,455.67	0.66	14.79	(5.06)
DAX	15,459.39	2.22	14.92	(2.68)
Vàng	1,819.63	0.00		(0.52)
Dầu WTI	87.25	(0.11)		16.01

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 24/01/2022			
Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 1)	57.4	57.0	60.5
Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp	53.6	55.0	53.4
Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất	57.9	57.7	56.9
Anh - Chỉ số PMI dịch vụ	53.6	53.9	53.3
Thứ Ba - 25/01/2022			
Úc - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (quý/quý) (Quý 4)	0.8%	1.0%	1.3%
Đức - Chỉ số môi trường kinh doanh Ifo (Tháng 1)	94.7	94.7	95.7
Mỹ - Niềm tin tiêu dùng của CB (Tháng 1)	115.8	111.8	113.8
Thứ Tư - 26/01/2022			
Mỹ - Doanh số bán nhà mới (Tháng 12)	725K	760K	811K
Canada - Quyết định lãi suất	0.25%	0.25%	0.25%
Mỹ - Dự trữ dầu thô	0.515M	-0.728M	2.377M
Mỹ - Quyết định lãi suất	0.25%	0.25%	0.25%
New Zealand - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (quý/quý) (Quý 4)	2.2%	1.3%	1.4%
Thứ Năm - 27/01/2022			
Mỹ - Đơn đặt hàng hoá lâu bền lõi (tháng/tháng) (Tháng 12)	0.8%	0.4%	
Mỹ - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 4)	2.3%	5.4%	
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	286K	255K	
Mỹ - Doanh số nhà chờ bán (tháng/tháng) (Tháng 12)	-2.2%	0.3%	
Thứ Sáu - 28/01/2022			
Đức - GDP (quý/quý) (Quý 4)	1.7%	-0.2%	

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chỉ số Dow Jones tiếp tục giảm trong phiên này biến động sau khi Chủ tịch Fed Jerome Powell gợi ý ngân hàng trung ương có nhiều dư địa để nâng lãi suất trước khi nó gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Kết phiên, chỉ số Dow Jones rớt 129,64 điểm (-0,4%) xuống 34.168,09 điểm. Có thời điểm Dow Jones đã vọt hơn 500 điểm, nhưng đảo chiều giảm sau cập nhật từ Fed. Chỉ số S&P 500 lùi 0,2% xuống 4.349,93 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite gần như đi ngang tại mức 13.542,12 điểm, được hỗ trợ bởi đà tăng 2,9% của cổ phiếu Microsoft.
- Hợp đồng dầu Brent tương lai đã vượt mốc 90 USD/thùng lần đầu tiên kể từ năm 2014, góp phần nối dài đà phục hồi bùng nổ của giá dầu kể từ mức đáy trong thời kỳ đại dịch vào tháng 4/2020. Khép phiên, hợp đồng dầu Brent tiến 2% lên 89,96 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 2,04% lên 87,25 USD/thùng.
- Chủ tịch Fed Jerome Powell báo hiệu sự chuyển hướng rời khỏi các biện pháp hỗ trợ kinh tế trong thời kỳ đại dịch, sẽ tăng lãi suất vào tháng 3 tới. Đồng cửa, vàng giao ngay giảm 1,6% xuống 1.818,66 USD/ounce sau khi giảm khoảng 1,8% xuống mức thấp nhất một tuần tại 1.815,06 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 2 đóng cửa giảm 1,2% xuống 1.829,70 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VPB, STB và MBB là những nhân tố chính giúp chỉ số VN30 duy trì đà tăng điểm. Trong đó, VPB đóng góp +3,14 điểm cho chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
TCB	Banks	8.52	52,400	0.96	2.50%	791.579	1.24	10.55	2.10
VIC	Real Estate Management & Development	7.47	96,400	0.42	2.12%	184.746	0.47	77.24	3.61
HPG	Metals & Mining	7.47	43,450	0.46	2.30%	667.648	0.52	6.13	2.31
VPB	Banks	7.39	35,900	2.87	4.45%	668.206	3.14	12.91	2.56
VHM	Real Estate Management & Development	6.17	81,200	0.25	1.50%	316.609	0.23	9.14	3.10
ACB	Banks	5.80	35,450	1.72	2.71%	302.023	1.50	9.85	2.25
MSN	Food Products	4.95	147,000	-3.92	5.03%	145.834	-3.08	72.38	8.07
MBB	Banks	4.93	33,300	2.15	3.35%	924.758	1.58	11.33	2.24
VNM	Food Products	4.75	79,700	0.63	1.51%	115.947	0.45	17.67	5.36
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	4.73	86,000	-0.58	1.75%	78.885	-0.42	19.35	4.60
STB	Banks	4.54	35,550	2.45	4.89%	1750.407	1.65	19.01	2.01
MWG	Specialty Retail	4.35	131,900	0.69	2.25%	124.526	0.45	21.52	5.00
NVL	Real Estate Management & Development	3.82	79,400	0.51	1.79%	128.637	0.29	43.76	4.48
VCB	Banks	3.51	94,500	-1.36	3.46%	238.668	-0.74	21.17	4.09
HDB	Banks	3.05	30,700	2.16	4.65%	250.833	0.99	10.91	2.22
TPB	Banks	2.65	39,200	-1.38	3.44%	439.175	-0.57	11.94	2.50
VJC	Airlines	2.34	121,100	-0.16	1.93%	80.552	-0.06	53.33	3.88
CTG	Banks	1.93	37,650	1.76	3.10%	829.588	0.51	10.91	1.91
SSI	Capital Markets	1.93	42,450	-0.82	2.36%	361.245	-0.24	19.54	3.08
VRE	Real Estate Management & Development	1.79	33,900	2.26	6.33%	306.612	0.61	35.55	2.53
KDH	Real Estate Management & Development	1.50	50,400	1.00	2.62%	68.267	0.23	27.15	3.32
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.31	101,000	4.12	4.34%	183.728	0.79	23.97	4.13
PDR	Capital Markets	1.22	86,800	-3.56	5.21%	265.444	-0.69	26.77	6.83
GAS	Gas Utilities	0.77	112,200	2.47	3.67%	160.034	0.28	26.20	4.37
SAB	Food Products	0.72	143,700	-0.90	1.40%	18.779	-0.10	24.43	4.34
BID	Banks	0.69	48,100	-1.84	3.85%	199.245	-0.20	24.70	2.94
POW	Independent Power and Renewable Electricity Produce	0.54	16,300	-1.51	3.37%	177.42	-0.13	13.15	1.26
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.52	57,000	4.78	5.54%	274.546	0.36	21.51	2.95
GVR	Real Estate Management & Development	0.35	31,000	-0.80	2.74%	33.624	-0.04	24.91	2.52
BVH	Beverages	0.28	53,000	2.71	4.51%	41.18	0.11	21.43	1.85

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45
		GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30
		GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45
8	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Đinh Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn